TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Thanh Dũng
2. Ông Tăng Hoàng Đa
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:263/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2022, về việc:*"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Mộng N**, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Ấp Th, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ
Bị đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp Th, xã Th1, huyện T, thành phố Cần Thơ
(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt).

NÔI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2022 và quá trình giải quyết bà N trình bày: Do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông L tổ chức lễ cưới năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2020 đến nay.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Dương Thị Tường V (nữ), sinh ngày 25/5/2015, cháu hiện đang sống với ông L và có nguyện vọng sống với cha nên bà thống nhất giao cháu V cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai không có.

Bị đơn ông L trình bày: Ông và N do được mai mối và được sự đồng ý của của hai bên gia đình nên có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai người không còn chung sống với nhau từ thời điểm đó đến nay. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N ông thống nhất.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Thị Tường V (nữ), sinh ngày 25/5/2015, cháu hiện đang sống cùng với ông và ông có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà N và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay ông bà không còn chung sống với nhau nên bà N làm đơn ly hôn với ông L đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, do bị đơn có địa chỉ tại huyện Thới Lai nên Tòa án nhân dân huyện Thới Lai căn cứ điều 28, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết.

[2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: theo ông bà trình bày là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Hiện tại, ông bà đã xác định tình cảm không còn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc các đương sự đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, căn cứ điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N nhưng có căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L.

Về con chung: Ông bà khai thống nhất có 01 con chung tên Dương Thị Tường V (nữ), sinh ngày 25/5/2015, cháu hiện do ông L trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống với cha nên giao cháu cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành là phù hợp, ghi nhận việc ông L không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 92; Điều 147 và Điều 273, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị Mộng N và ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thị Tường V (nữ), sinh ngày 25/5/2015, cho ông Lâm trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu tròn 18 tuổi, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà N không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà xác định không có nên không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005767 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Diệp Hoàng Giang